

Bản án số: 64/2025/DS-ST  
Ngày: 23-9-2025  
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đặng Phước Tuấn.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

Ông Lê Văn Danh.

Ông Lâm Ngọc Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Loan Em là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2025/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần S.

Địa chỉ: Số A N, phường T, tỉnh Nghệ An (số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An cũ).

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Lam T, sinh ngày 06/3/1997.

Địa chỉ: Số C Đường P, phường P, thành phố Cần Thơ, văn bản ủy quyền ngày 01/02/2024 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Quang T1, sinh ngày 04/7/2002.

Địa chỉ: Áp A, xã A, thành phố Cần Thơ (áp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ) (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện lập ngày 25 tháng 10 năm 2024 của nguyên đơn Công ty cổ phần S1 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo giấy Đăng ký kinh doanh đã đăng ký thì Công ty cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty S2) hoạt động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực cầm cố tài sản.

Vào ngày 11/4/2024, ông Nguyễn Quang T1 có đến Công ty S2 Chi nhánh S3 - TP. 2, tại địa chỉ số A H, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo hợp đồng số: 6SM240401001NA20X được ký giữa các bên ngày 11/4/2024 số đăng ký giao dịch đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký trực tuyến của Cục Đ: Giaodichdambao/botuphap: ..... theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>

Thì ông Nguyễn Quang T1 có ký hợp đồng cầm cố tài sản là:

- 01 xe mô tô hai bánh BKS 83G1-048.16.
- Loại xe FUTURE FI màu: Bạc nâu.
- Số khung RLHJC7650LY072717 - số máy JC90E0094184.
- Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 002730 do Công an xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 09/4/2024 để lấy số tiền là 9.414.894 đồng; thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 11/4/2024 - 11/4/2025) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng.

Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty S2 đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho ông Nguyễn Quang T1.

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty S2 có ký giấy cho ông Nguyễn Quang T1 mượn lại xe sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ ngày 11/4/2024 - 11/4/2025 địa điểm trả xe là tại Công ty S2 Chi nhánh S3 - TP. 2. Ông Nguyễn Quang T1 có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Quá trình trả nợ ông Nguyễn Quang T1 chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty, đến nay đã quá hạn hợp đồng, hiện tại trễ 40 ngày. Ông Nguyễn Quang T1 không trả nợ và cũng không trả lại xe máy cho Công ty S2.

Nhân viên của Công ty S2 đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông Nguyễn Quang T1 tại địa chỉ ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nhưng đều không gặp. Công ty S2 đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để ông Nguyễn Quang T1 trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho Công ty S2, nhưng ông Nguyễn Quang T1 không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, chiếm đoạt tài sản của Công ty S2.

Do đó, theo đơn khởi kiện Công ty cổ phần S2 yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông [Nguyễn Quang T1](#) phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với [Công ty S2 \(Chi nhánh S3 - TP. 2\)](#) theo Hợp đồng cầm cố số 6SM240401001NA20X, kèm giấy mượn xe đã ký với [Chi nhánh S3 - TP. 2](#) ngày 11/4/2024 số tiền 11.320.000 đồng tạm tính đến ngày 05/6/2024 bao gồm:

- Gốc: 9.414.894 đồng.
- Lãi: 208.000 đồng (1.1%/tháng).
- Phí mượn xe: 1.017.000 đồng (5,4%/tháng).
- Phí quản lý hồ sơ: 95.000 đồng (0.5%/tháng).
- Phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 29.000 đồng.
- Phí thanh lý trước hạn: 558.000 đồng.

Ngoài ra, ông [Nguyễn Quang T1](#) còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 11/4/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 12/9/2025 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông [Nguyễn Quang T1](#) có nghĩa vụ thanh toán cho [Công ty cổ phần S](#) Có Ngay tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm như sau: Số tiền vốn gốc 9.414.894 đồng; lãi trong hạn 1.242.766 đồng (từ ngày 12/4/2024 đến ngày 11/4/2025 là 12 tháng x 1,1%/tháng); lãi quá hạn 833.689 đồng (từ ngày 12/4/2025 đến ngày 23/9/2025 là 05 tháng 11 ngày x 1,65%/tháng). Tổng cộng số tiền vốn gốc và lãi là 11.491.349 đồng. Ngoài ra, ông [Nguyễn Quang T1](#) còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 24/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Đồng thời, thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu khởi kiện các khoản phí sau: Phí mượn xe 1.017.000 đồng (5,4%/tháng); phí quản lý hồ sơ 95.000 đồng (0.5%/tháng); phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 29.000 đồng; phí thanh lý trước hạn 558.000 đồng. Sau khi ông [Nguyễn Quang T1](#) thanh toán xong nợ cho [Công ty S2](#) thì [Công ty S2](#) đồng ý trả lại cho ông [Nguyễn Quang T1](#) bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 002730, biển số đăng ký 83G1-048.16 do [Công an xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng](#) cấp ngày 09/4/2024 cho ông [Nguyễn Quang T1](#).

Đối với bị đơn ông [Nguyễn Quang T1](#): Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 27/TB-TLVA ngày 28 tháng 02 năm 2025, tổng đạt hợp lệ cho ông [Nguyễn Quang T1](#), nhưng ông [T1](#) không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của [Công ty S2](#). Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với ông [Nguyễn Quang T1](#) để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông [T1](#) vắng mặt không có lý do, người đại diện theo ủy quyền của [Công ty S2](#) có đơn yêu cầu Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của ông [T1](#) trong hồ sơ vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi nộp đơn khởi kiện, [Công ty S2](#) căn cứ vào hợp đồng cầm cố tài sản số: 6SM240401001NA20X được ký giữa các bên ngày 11/4/2024, giữa bên nhận cầm cố là [Công ty S2](#) với bên cầm cố là ông [Nguyễn Quang T1](#); địa chỉ [ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng](#). [Công ty S2](#) có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ) buộc ông [Nguyễn Quang T1](#) phải trả cho [Công ty S2](#) số tiền đã nhận khi cầm cố tài sản vốn gốc còn nợ, lãi suất, phí theo quy định của hợp đồng cho đến khi trả hết nợ. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho [Công ty S2](#) nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và [Công ty S2](#) đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của [Công ty S2](#) là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông [Nguyễn Lam T](#) và bị đơn ông [Nguyễn Quang T1](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và đều vắng mặt tại phiên tòa. Ông [T](#) có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và ông [T1](#) vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông [Nguyễn Lam T](#) và ông [Nguyễn Quang T1](#).

[1.3] Đối với việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vốn gốc, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn; không yêu cầu khởi kiện các khoản phí sau: Phí mượn xe 1.017.000 đồng (5,4%/tháng), phí quản lý hồ sơ 95.000 đồng (0,5%/tháng), phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 29.000 đồng, phí thanh lý trước hạn 558.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn [Công ty S2](#) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông [Nguyễn Quang T1](#) có nghĩa vụ thanh toán cho [Công ty S2](#) với số tiền vốn gốc 9.414.894 đồng; lãi trong hạn 1.242.766 đồng (từ ngày 12/4/2024 đến ngày 11/4/2025 là 12 tháng x 1,1%/tháng); lãi quá hạn 833.689 đồng (từ ngày 12/4/2025 đến ngày 23/9/2025 là 05 tháng 11 ngày x 1,65%/tháng). Tổng cộng số tiền vốn gốc và lãi là 11.491.349 đồng. Ngoài ra, ông [Nguyễn Quang T1](#)

còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 24/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 11/4/2024, giữa [Công ty S2 Chi nhánh S3 - TP . 2](#) và ông [Nguyễn Quang T1](#) có ký kết hợp đồng cầm cố tài sản số 6SM240401001NA20X, theo nội dung hợp đồng thì ông [Nguyễn Quang T1](#) cầm cố tài sản là chiếc xe máy – biển kiểm soát 83G1-048.16; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số 002730 do [Công an xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng](#) cấp ngày 09/4/2024 cho [Công ty S2](#) để lấy số tiền 9.414.894 đồng. Sau khi ký hợp đồng, [Công ty S2](#) đã giải ngân đầy đủ tiền cho ông [Nguyễn Quang T1](#) sau khi trừ đi các khoản chi phí theo thỏa thuận. Xét thấy, Hợp đồng cầm cố tài sản được hai bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc, phù hợp với quy định tại Điều 309 Bộ luật Dân sự nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông [Nguyễn Quang T1](#) đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi hàng tháng cho nguyên đơn theo thỏa thuận, hiện nay số tiền nợ gốc mà ông [Nguyễn Quang T1](#) còn nợ [Công ty S2](#) là 9.414.894 đồng. Như vậy, ông [Nguyễn Quang T1](#) đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng cho [Công ty S2](#) theo thỏa thuận là đã vi phạm Điều 4 của Hợp đồng cầm cố tài sản mà các bên đã ký kết. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông [Nguyễn Quang T1](#) phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn nợ 9.414.894 đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 280, Điều 309 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ theo hợp đồng cầm cố tài sản số: 6SM240401001NA20X ngày 11/4/2024 thì các bên thỏa thuận mức lãi suất trong hạn là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,65%/tháng đối với số tiền vốn gốc. Theo Nghị định 96/2016/NĐ-CP/01/7/2016 của Chính phủ, quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, thì tại khoản 6 Điều 29 quy định về trách nhiệm của cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ thì “*Tỷ lệ lãi suất cho vay tiền khi nhận cầm cố tài sản không vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự*”. Như vậy, lãi suất thỏa thuận nêu trên là phù hợp với lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do ông [Nguyễn Quang T1](#) đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận giữa các bên, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông [Nguyễn Quang T1](#) có nghĩa vụ trả tiền lãi gồm: Lãi trong hạn 1.242.766 đồng (từ ngày 12/4/2024 đến ngày 11/4/2025 là 12 tháng x 1,1%/tháng); lãi quá hạn 833.689 đồng (từ ngày 12/4/2025 đến ngày 23/9/2025 là 05 tháng 11 ngày x 1,65%/tháng) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Theo Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ trả tiền thì “*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Như vậy, nguyên đơn [Công ty S2](#) khởi kiện yêu cầu bị đơn ông [Nguyễn Quang T1](#) trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi suất

nhu đã thỏa thuận là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những nhận định tại các đoạn [3], [4], [5] nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty S2, buộc ông Nguyễn Quang T1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ vốn gốc 9.414.894 đồng; lãi trong hạn 1.242.766 đồng; lãi quá hạn 833.689 đồng. Tổng cộng số tiền vốn gốc và lãi là 11.491.349 đồng.

[7] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 24/9/2025) bị đơn ông Nguyễn Quang T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn, lãi trong hạn (nếu có) của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[8] Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Công ty S2 về việc đồng ý trả lại cho ông Nguyễn Quang T1 bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 002730 do Công an xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 09/4/2024 cho ông Nguyễn Quang T1 sau khi ông Nguyễn Quang T1 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Công ty S2.

[9] Về án phí sơ thẩm:

[9.1] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bị đơn ông Nguyễn Quang T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 574.567 đồng.

[9.2] Nguyên đơn Công ty cổ phần S2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005958 ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 280; Điều 309; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;
- Khoản 6 Điều 29 của Nghị định 96/2016/NĐ-CP01/7/2016 của Chính phủ, quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn [Công ty cổ phần S](#) về yêu cầu trả số tiền vốn gốc còn nợ, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn đối với bị đơn ông [Nguyễn Quang T1](#).

2. Xử buộc bị đơn ông [Nguyễn Quang T1](#) phải trả cho nguyên đơn [Công ty cổ phần S](#) số tiền vốn gốc 9.414.894 đồng; lãi trong hạn 1.242.766 đồng; lãi quá hạn 833.689 đồng. Tổng cộng số tiền vốn gốc và lãi là 11.491.349 đồng (mười một triệu bốn trăm chín mươi một nghìn ba trăm bốn mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 24/9/2025) bị đơn ông [Nguyễn Quang T1](#) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn, lãi trong hạn (nếu có) của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Khi ông [Nguyễn Quang T1](#) thực hiện hoàn tất việc trả nợ cho [Công ty cổ phần S](#), thì [Công ty cổ phần S](#) phải có nghĩa vụ giao trả lại cho ông [Nguyễn Quang T1](#) bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 002730 do [Công an xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng](#) cấp ngày 09/4/2024.

4. Về án phí:

4.1. Bị đơn ông [Nguyễn Quang T1](#) phải chịu 574.567 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4.2. Nguyên đơn [Công ty cổ phần S](#) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005958 ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ).

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ  
(Phòng THADS khu vực 6 – Cần Thơ);
- TAND thành phố Cần Thơ  
(Phòng GD, KT, TT & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Đã ký**

**Đặng Phước Tuấn**